



Merkblatt für ein Visum zum Freiwilligendienst

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho mục đích tham gia chương trình tình nguyện

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)

Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (nộp BẢN GỐC) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Để nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và ký tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigefügt werden:	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chi đền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmerkungen <i>Ghi chú</i>
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit			



<p>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục. <i>Đặc biệt phải trình bày quá trình học tập, làm việc từ trước đến nay.</i></p>			
<p>5. Motivationsschreiben In einem selbstverfassten Schreiben erklären Sie, warum Sie sich engagieren wollen, welche Erwartungen Sie an den Freiwilligendienst in Deutschland haben und wie der Aufenthalt Ihnen für Ihre Zukunft nützen kann. Gehen Sie auch auf Ihre berufliche Perspektive nach dem Freiwilligendienst ein.</p> <p>Bản viết lý giải động cơ <i>Bản tự viết, trong đó quý vị giải thích lý do tại sao muốn tham gia chương trình tình nguyện ở Đức, những kỳ vọng của quý vị đối với chương trình tình nguyện và việc lưu trú có thể mang lại lợi ích như thế nào cho tương lai của quý vị. Quý vị cũng cho biết triển vọng nghề nghiệp của quý vị sau khi kết thúc chương trình tình nguyện.</i></p>			
<p>6. Vertrag/Vereinbarung Der Vertrag bzw. die Vereinbarung über den Freiwilligendienst muss im Original vorgelegt werden.</p> <p>Hinweis zum Bundesfreiwilligendienst: Ihr Vertrag muss sowohl von Ihnen als auch vom Bundesamt für Familie und zivilgesellschaftliche Aufgaben (BAFzA) sowie der Einsatzstelle, der Zentralstelle und ggf. von der Stelle, die den Freiwilligendienst durchführt (Träger) unterzeichnet sein.</p> <p>Hinweis zu den Jugendfreiwilligendiensten (Freiwilliges Soziales Jahr (FSJ) oder Freiwilliges Ökologisches Jahr (FÖJ)): Ihr Vertrag muss sowohl von Ihnen als auch dem jeweiligen Träger und ggf. der Einsatzstelle unterzeichnet sein.</p> <p>Hợp đồng/Thỏa thuận <i>Phải nộp bản gốc hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận về việc tham gia chương trình tình nguyện.</i></p> <p><i>Lưu ý với trường hợp tham gia „Chương trình tình nguyện liên bang“ (Bundesfreiwilligendienst - BFD): Hợp đồng phải có chữ ký của quý vị, của đại diện Cơ quan Liên bang về Gia đình và Nhiệm vụ xã hội (BAFzA), đại diện Cơ sở tiếp nhận tình nguyện viên (Einsatzstelle), đại diện Trung tâm hỗ trợ và bồi dưỡng tình nguyện viên (Zentralstelle) và (nếu có) đại diện Tổ chức giới thiệu tình nguyện viên (Träger).</i></p> <p><i>Lưu ý với trường hợp tham gia chương trình „Năm tình nguyện xã hội“ (Freiwilliges Soziales Jahr - FSJ) hoặc chương trình „Năm tình nguyện sinh thái“ (Freiwilliges Ökologisches Jahr - FÖJ): Hợp đồng phải có chữ ký của quý vị, của đại diện Tổ chức giới thiệu tình nguyện viên (Träger) và (nếu có) đại diện Cơ sở tiếp nhận tình nguyện viên (Einsatzstelle).</i></p>			
<p>7. Nachweis der Finanzierung Sie müssen nachweisen, dass während des Aufenthalts in Deutschland Ihr Lebensunterhalt gesichert ist. Im Regelfall erhalten Sie von Ihrer Einsatzstelle ein Taschengeld, teilweise auch Unterkunft und Verpflegung.</p> <p>Der Lebensunterhalt gilt als gesichert, wenn den Freiwilligen 752 Euro im Monat plus kostenlose Kranken- und Pflegeversicherung zur Verfügung stehen. Dieser Betrag setzt sich aus 325 Euro für Wohnkosten, 150 Euro für Verpflegung und 277 Euro für Taschengeld zusammen. Eine Mischung aus Geld- und Sachleistungen (z.B. kostenlose Unterkunft) ist dabei möglich.</p> <p>Legen Sie eine Bestätigung vor, aus der klar hervorgeht, wie viel Taschengeld und welche sonstigen Leistungen Sie für Ihren Einsatz erhalten.</p>			



Ausnahme: Wenn diese Informationen bereits im Vertrag bzw. der Vereinbarung über den Freiwilligendienst enthalten sind, muss keine zusätzliche Bestätigung vorgelegt werden.

Hinweis: Wenn im Einzelfall das Taschengeld und die sonstigen Leistungen der Einsatzstelle nicht ausreichend sind, um Ihren Lebensunterhalt zu sichern, kann es erforderlich sein, dass Sie einen zusätzlichen Nachweis für den Fehlbetrag vorlegen, z.B. über ein Sperrkonto. Sollte dies bei Ihnen der Fall sein, werden Sie im Rahmen der Antragsprüfung kontaktiert.

Chứng minh tài chính

Quý vị phải chứng minh bảo đảm được chi phí sinh hoạt trong thời gian lưu trú tại Đức. Thông thường, Cơ sở tiếp nhận tình nguyện viên sẽ cấp cho quý vị tiền tiêu vặt, đôi khi cả nơi ăn và chỗ ở.

Chi phí sinh hoạt được bảo đảm nếu tình nguyện viên có 752 Euro mỗi tháng, cộng thêm bảo hiểm y tế và bảo hiểm điều dưỡng miễn phí. Số tiền này bao gồm 325 Euro chi phí nhà ở, 150 Euro tiền ăn và 277 Euro tiền tiêu vặt. Có thể chứng minh tài chính bằng tiền kết hợp với các lợi ích vật chất (ví dụ: chỗ ở miễn phí).

Quý vị cần nộp giấy xác nhận trong đó nêu rõ số tiền tiêu vặt nhận được và các lợi ích vật chất được hưởng khác khi tham gia chương trình tình nguyện.

Ngoại lệ: Nếu những thông tin này đã có trong hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận về việc tham gia chương trình tình nguyện, thì quý vị không cần nộp thêm giấy xác nhận nào khác.

Lưu ý: Trong trường hợp tiền tiêu vặt và các lợi ích vật chất do Cơ sở tiếp nhận tình nguyện viên cung cấp không đủ để đảm bảo chi phí sinh hoạt của quý vị, thì quý vị có thể cung cấp thêm giấy tờ chứng minh tài chính cho số tiền còn thiếu, ví dụ: bằng tài khoản phong tỏa. Khi xét hồ sơ thị thực, nếu thấy quý vị ở vào trường hợp như vậy, Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán sẽ liên hệ và cho quý vị biết.

8. Sprachzertifikat

Sie müssen nachweisen, dass Sie Deutschkenntnisse mindestens auf dem Niveau A1 besitzen.

Anerkannt werden derzeit Zertifikate der folgenden Prüfungsanbieter:

- Sprachzertifikate des Goethe-Instituts e.V.
- Sprachzertifikate der telc GmbH
- Sprachzertifikate des Österreichischen Sprachdiploms (ÖSD)
- „TestDaF“ des TestDaF-Instituts e.V. (Institut der Fernuniversität Hagen und der Ruhr-Universität Bochum, Prüfungs-niveau erst ab Stufe B2 GER)
- Sprachzertifikate des ECL Prüfungszentrums

Bei Antragstellung werden im Rahmen eines kurzen Gespräches die Deutschkenntnisse getestet.

Ausnahme: Wenn Sie eine Bestätigung der Einsatzstelle/ des Trägers haben, dass Sie bei Einreise keine Sprachkenntnisse benötigen, müssen Sie kein Sprachzertifikat vorlegen.

Chứng chỉ tiếng Đức

Quý vị phải có kiến thức tiếng Đức, ít nhất tương đương trình độ A1.

Các chứng chỉ được công nhận hiện nay gồm:

- *Chứng chỉ tiếng Đức của Viện Goethe*
- *Chứng chỉ tiếng Đức của telc GmbH*
- *Chứng chỉ tiếng Đức của Áo ÖSD*
- *“TestDaF” của Viện TestDaF (trực thuộc Đại học từ xa Hagen và Đại học tổng hợp Ruhr Bochum, trình độ để tham dự kỳ thi là từ B2 trở lên)*



<ul style="list-style-type: none">Chứng chỉ tiếng Đức của Trung tâm khảo thí ECL <p>Khi nộp đơn xin thị thực sẽ có một cuộc phỏng vấn ngắn để kiểm tra trình độ tiếng Đức. Ngoại lệ: Nếu quý vị có giấy xác nhận của Cơ sở tiếp nhận tình nguyện viên/Tổ chức giới thiệu tình nguyện viên về việc không yêu cầu quý vị phải có kiến thức tiếng Đức khi nhập cảnh, thì quý vị không phải nộp chứng chỉ tiếng Đức.</p>			
10. Krankenversicherung Bitte legen Sie bereits bei Antragstellung Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für Ihren gesamten geplanten Aufenthalt vor			
Bảo hiểm y tế Quý vị phải trình chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế tại Đức cho toàn bộ thời gian lưu trú dự kiến ngay khi nộp hồ sơ thị thực.			

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung. Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen. Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen. Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzu fordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực. Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối. Việc từ chối cung cấp thông tin, có ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để từ chối. Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn